

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN CHÍNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN CHÍNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400957277

3. Ngày thành lập: 09/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trung An , Xã Lan Mẫu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0927483199

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh kho bãi vật liệu xây dựng, Cho thuê nhà trọ. (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	6810
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
31.	Bán buôn tổng hợp	4690
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
41.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Sản xuất rượu vang	1102
45.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
46.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
47.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
48.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
49.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
50.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
51.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
52.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
53.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
54.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
55.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
56.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
57.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
58.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
59.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
60.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
61.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
63.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
64.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
65.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
66.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
67.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
68.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
69.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
70.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
71.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
72.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
73.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
74.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
75.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
76.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829

77.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
79.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
80.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
81.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
82.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
83.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
84.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
85.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
87.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
88.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
89.	Bốc xếp hàng hóa	5224
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Cơ sở lưu trú khác	5590
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
96.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
97.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
98.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
99.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
100.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
101.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
102.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
103.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
104.	Xây dựng nhà không để ở	4102
105.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
106.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
107.	Xây dựng công trình điện	4221
108.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
109.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
110.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
111.	Xây dựng công trình thủy	4291

112.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
113.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
114.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
115.	Phá dỡ	4311
116.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
117.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
118.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
119.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
120.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
121.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
122.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
123.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
124.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
125.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
126.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
127.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
128.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
129.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
130.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: CHU VĂN CHÍNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/02/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024068006190

Ngày cấp: 16/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Trung An , Xã Lan Mẫu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trung An , Xã Lan Mẫu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU VĂN CHÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024068006190

Ngày cấp: 16/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Trung An , Xã Lan Mẫu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trung An , Xã Lan Mẫu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang